

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/HSST
Ngày: 15/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền và Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2022 tại **Điểm cầu trung tâm** trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai, **Điểm cầu thành phần** tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai theo **hình thức trực tuyến** vụ án hình sự thụ lý số: 126/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/HSXXST-HS, ngày 26 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1.Đào Duy A (T); sinh năm 1993 tại Gia Lai; Nơi đăng ký NKTT: Thôn 3, xã Hà T, huyện Đăk P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: Thuê phòng nghỉ số 103 nhà nghỉ số 19, tổ 6, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn Q, sinh năm 1963 và bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án: 04 tiền án:

Tại bản án số 11/2011/HSST, ngày 29/3/2011 của Tòa án nhân dân huyện Hoài N, tỉnh Bình Định, xét xử tuyên phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hoài N. Ngày 20/4/2011, chấp hình xong hình phạt.

Tại bản án số 28/2011/HSST, ngày 20/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đăk P, tỉnh Gia Lai, xét xử tuyên phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; ngày 14/3/2013, chấp hành xong hình phạt.

Tại bản án số 21/2014/HSST, ngày 05/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện sa T, tỉnh Kon Tum, xét xử tuyên phạt 28 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; ngày 02/5/2021, chấp hành xong hình phạt.

Tại bản án số 156/2014/HSST, ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai, xét xử tuyên phạt 05 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo các điểm b, c, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; tổng hợp hình phạt với bản án số 21/2014/SHST ngày 05/8/2014, của Tòa án nhân dân huyện Sa T, tỉnh Kon Tum, buộc bị cáo Đào Duy A phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 07 năm 04 tháng tù. Ngày 02/5/2021, chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai từ ngày 27/4/2022 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

2.Đinh Thị Mỹ T; sinh ngày 01 tháng 7 năm 2001 tại Gia Lai; Nơi đăng ký NKTT: Tổ 1, phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Nơi ở hiện nay: Thôn 2, xã Ia Băng, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai; chỗ ở trước khi bị bắt: Thuê phòng nghỉ số 103 nhà nghỉ số 19, tổ 6, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định được và bà Đinh Thị L, sinh năm 1978; bị cáo có chồng Lê Thanh H, sinh năm 1998 và có 02 con, sinh năm 2018 và năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai từ ngày 27/4/2022 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người chứng kiến:**

Ông Trần Văn T, sinh năm 1955 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Duy A và Đinh Thị Mỹ T là người yêu của nhau và đều sử dụng ma túy loại Methamphetamine. Vào khoảng 16 giờ ngày 26/4/2022, Duy A và T đến thuê phòng số 103 thuộc nhà nghỉ số 19, Tổ 06, phường Phù Đ, thành phố P. Khi đến nhà nghỉ, Duy A gọi điện thoại cho một người bạn nữ giới tên là X (không rõ nhân thân, lai lịch) nói chuyện và cho X biết là Duy A đang ở tại phòng số 103 nhà nghỉ số 19, Tổ 06, phường Phù Đ. Khoảng 06 giờ ngày 27/4/2022, X đến phòng nghỉ của Duy A và T, mang theo 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy cùng 01 gói nilon chứa ma túy đá. Sau đó, X lấy một ít ma túy trong gói này ra rồi cùng Duy A và T sử dụng. Số ma túy còn lại trong gói nilon, Xu để lại trên bàn cho Duy A và T thì Duy A nói T cất vào túi để khi nào cần thì cùng sử dụng nên T đã cất giấu gói ma túy này vào trong túi quần của T. Đến khoảng 07 giờ 40 phút cùng ngày, thì X ra về và cầm theo bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Lúc này, T ở trong phòng, còn Duy A đi ra cùng X. Khi đi ra đến hành lang của nhà nghỉ, X đưa cho Duy A 02 gói nilon đều chứa ma túy đá và nói cất đi mà sử dụng nên Duy A cất giấu

trong người để Duy A sử dụng sau, rồi Duy A đi vào phòng nghỉ cùng T và không nói cho T biết về 02 gói ma túy này. Vào lúc 07 giờ 55 phút ngày 27/4/2022, khi Duy A và T đang ở trong phòng nghỉ thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P phối hợp với Công an phường Phù Đ bắt quả tang cùng vật chứng, gồm: Thu giữ trong túi quần bên trái của Đào Duy A 02 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể (được niêm phong theo quy định, đánh số ký hiệu I); thu giữ trong túi quần bên trái của Đinh Thị Mỹ T: 01 nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể (được niêm phong theo quy định, đánh số ký hiệu II). 01 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể thu giữ của T, thì Đào Duy A và Đinh Thị Mỹ T đều khai nhận là ma túy đá của Duy A và T cất giấu để sử dụng chung; còn 02 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể thu giữ của Duy A thì T không biết và Duy A cất giấu để sử dụng riêng. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của Đào Duy A 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ kèm thẻ sim (có dãy số 8984 04800 03864 86624).

Qua trưng cầu, tại Kết luận số 280/KLGD ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“Chất màu trắng dạng tinh thể trong 02 (hai) gói nilon, trong bì công văn niêm phong ghi “I” gửi giám định là **ma túy**, loại **Methamphetamine**, khối lượng **0,3983 gam**; Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 (một) gói nilon, trong bì công văn niêm phong ghi “II” gửi giám định là **ma túy**, loại **Methamphetamine**, khối lượng **0,5066 gam**”.*

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đỏ kèm thẻ sim là tài sản cá nhân của bị cáo Đào Duy A không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra chuyển chiếc điện thoại kèm thẻ sim này cùng số ma túy còn lại sau giám định, trong 02 bì công văn cùng ghi số 280/PC09 ngày 05/5/2022, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh Gia Lai, theo vụ án để xử lý.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 139/CT-VKS ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố Đào Duy A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249, Đinh Thị Mỹ T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đào Duy A từ 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng đến 07 (Bảy) năm tù.

*Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo

Đinh Thị Mỹ T từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

*Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đỏ kèm thẻ sim là tài sản cá nhân của bị cáo Đào Duy A không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị HĐXX trả lại cho bị cáo.

Đối với số ma túy còn lại sau giám định, trong 02 bì công văn cùng ghi số 280/PC09 ngày 05/5/2022, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy.

Trước khi HĐXX nghị án bị cáo nói lời sau cùng:

1. Bị cáo Đào Duy A: Bị cáo biết hành vi của mình phạm tội, việc làm sai trái của mình, xin HĐXX xem xét, giảm hình phạt cho bị cáo sớm trở về với gia đình để làm ăn chăm lo cho gia đình.

2. Bị cáo Đinh Thị Mỹ T: Bị cáo biết hành vi của mình phạm tội, việc làm sai trái của mình, xin HĐXX xem xét, giảm hình phạt cho bị cáo sớm trở về với gia đình để làm ăn chăm lo cho con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại hồ sơ, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Đào Duy A và Đinh Thị Mỹ T là người yêu của nhau và đều sử dụng ma túy loại Methamphetamine. Vào khoảng 16 giờ ngày 26/4/2022, Duy A và T đến thuê phòng số 103 thuộc nhà nghỉ số 19, Tổ 06, phường Phù Đ, thành phố P. Khoảng 06 giờ ngày 27/4/2022, tại phòng số 103 có đối tượng X (không rõ nhân thân, lai lịch; là bạn quen biết ngoài xã hội với Đào Duy A) mang theo 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy cùng 01 gói ma túy đá đến, rồi X lấy một ít ra sử dụng cùng Duy A và T. Số ma túy còn lại, X để lại cho Duy A và T thì Duy A nói T cất vào túi để khi nào cần thì cùng sử dụng. Sau đó, X có cho Duy A 02 gói nilon đều chứa chất màu trắng dạng tinh thể và Duy A đã cất giữ trong túi quần để sử dụng riêng.

Đến 07 giờ 55 phút cùng ngày, khi Duy A và T đang ở trong phòng số 103 nhà nghỉ số 19, Tổ 06, phường Phù Đ, thành phố P thì bị lực lượng Cảnh sát Điều tra tội phạm về Ma túy, Công an thành phố P bắt quả tang cùng vật chứng, gồm: Thu giữ trong túi quần của Đào Duy A 02 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đỏ kèm thẻ sim số; thu giữ trong túi quần của Đinh Thị Mỹ T 01 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể.

Kết quả giám định, xác định: 01 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể mà Đinh Thị Mỹ T tàng trữ trong túi quần của T là **ma túy** loại **Methamphetamine**, có khối lượng **0,5066 gam**; 02 gói nilon chứa chất màu trắng dạng tinh thể mà Đào Duy A tàng trữ trong túi quần của Duy A là **ma túy**, loại **Methamphetamine**, có khối lượng **0,3983 gam**.

[2] Đây là vụ án đồng phạm, nhưng mang tính giản đơn, thông thường, Đào Duy A là người khởi xướng, cùng Đinh Thị Mỹ T là người cùng thực hành. Hành vi của các bị cáo Đào Duy A, Đinh Thị Mỹ T, cất giữ chất ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các loại chất ma túy, Nhà nước nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép. Tệ nạn ma túy là một hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại xấu cho sức khỏe của con người, làm suy thoái nòi giống dân tộc, băng hoại đạo đức và phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác nên Nhà nước có chính sách quản lý, kiểm soát chặt chẽ, nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép. Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng lao động, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức được tác hại của tệ nạn ma túy, nhưng để thỏa mãn nhu cầu không lành mạnh của bản thân, đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi cất giấu chất ma túy để sử dụng. Do đó hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội phạm Tàng trữ trái phép chất ma túy và phải chịu sự chế tài của pháp luật hình sự, theo Điều 249 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Hành vi tàng trữ 0,5066 gam chất ma túy loại Methamphetamine, với mục đích để sử dụng của bị cáo Đinh Thị Mỹ T đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi tàng trữ 0,9049 gam chất ma túy loại Methamphetamine, với mục đích để sử dụng của bị cáo Đào Duy A đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Lần bị kết án tại Bản án số 156/2014/HSST ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai, xác định bị cáo Đào Duy A đã “*Tái phạm nguy hiểm*”; bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Để có một hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội đối với bị cáo, HĐXX nhận định: Bị cáo Đinh Thị Mỹ T phạm tội lần đầu, chưa có

tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay có thái độ *thành khẩn khai báo*, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở. Đối với bị cáo Đào Duy A là người khởi xướng giữ vai trò chính trong vụ án, có nhân thân không tốt, đã có 04 tiền án chưa được xóa án tích, tuy nhiên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm, xác định là tình tiết định khung hình phạt nên không xem xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Để đấu tranh và phòng ngừa với các tội phạm về ma túy, xét thấy cần thiết phải có mức hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với đối tượng X mà bị cáo Đào Duy A và Đinh Thị Mỹ T khai đã cho ma túy: Do Đào Duy A và Đinh Thị Mỹ T không biết nhân thân, lai lịch; Cơ quan Điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nhân thân lai lịch. Do đó, chưa có căn cứ để điều tra, xử lý; Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xử lý sau là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản” nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo, không có tài sản riêng, hành vi phạm tội không liên quan đến nghề nghiệp. Do đó HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đỏ kèm thẻ sim là của cá nhân bị cáo Đào Duy A không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

Đối với số ma túy còn lại sau giám định, trong 02 bì công văn cùng ghi số 280/PC09 ngày 05/5/2022, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, tịch thu tiêu hủy.

[6] Về tiền án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Đào Duy A** và **Đinh Thị Mỹ T** phạm tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**.

-Áp dụng điểm o Khoản 2 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Đào Duy A** - 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (27/4/2022).

-Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Đinh Thị Mỹ T** - 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (27/4/2022).

-Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017:

+ Trả lại cho Đào Duy A:

01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đỏ kèm thẻ sim

+ Tịch thu tiêu hủy:

Số ma túy còn lại sau giám định, trong 02 bì công văn cùng ghi số 280/PC09 ngày 05/5/2022, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/8/2022 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai).

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo **Đào Duy A** và bị cáo **Đinh Thị Mỹ T**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay các bị cáo có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Bị cáo;
- Thi hành án dân sự thành phố P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Tiến

